



Nothing but **HEAVY DUTY.**

2025

CATALOGUE MILWAUKEE TOOL VIETNAM





MILWAUKEE
CHÂU Á

CÂU CHUYỆN VỀ MILWAUKEE

Milwaukee Tool được thành lập từ năm 1924 tại Mỹ, là thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và phân phối các dụng cụ pin, dụng cụ cầm tay và phụ kiện chuyên dụng. Với hơn 100 năm kinh nghiệm, Milwaukee luôn tiên phong trong việc cung cấp các giải pháp công cụ cho người dùng chuyên nghiệp.

Milwaukee Tool luôn hướng tới một phương châm duy nhất: chế tạo những dụng cụ pin mạnh mẽ và chất lượng nhất cho người dùng chuyên nghiệp.

Milwaukee Tool đã khẳng định danh tiếng của mình nhờ vào sự tin cậy, độ bền bỉ, chất lượng vượt trội và hiệu suất đỉnh cao đến từ các giải pháp của mình.

Milwaukee Tool luôn đáp ứng đúng nhu cầu của người dùng nhờ vào quá trình nghiên cứu chuyên sâu, tiêu chuẩn đối sánh nghiêm ngặt, cùng các thử nghiệm khắt khe cả trong phòng thí nghiệm lẫn thực tế.

NHÓM NGÀNH NGHỀ

Nhóm ngành nghề mà Milwaukee Tool tự hào cung cấp những giải pháp tối ưu của mình đến người dùng chuyên nghiệp



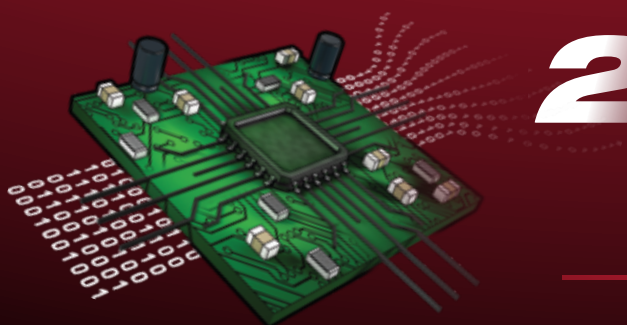
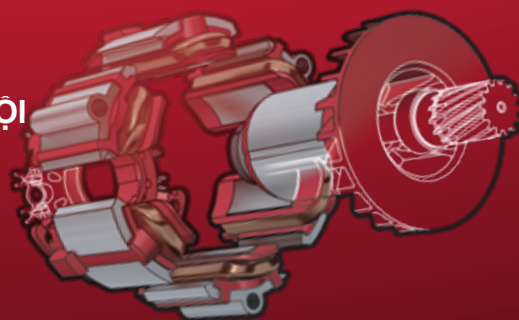


Nothing but **HEAVY DUTY.**™



1 TỐC ĐỘ, SỨC MẠNH, ĐỘ BỀN VƯỢT TRỘI

- Động cơ **POWER STATE** do MILWAUKEE™ thiết kế và chế tạo
- **Vượt trội** so với các đối thủ cạnh tranh



2 SỨC MẠNH KẾT HỢP VỚI SỰ KIỂM SOÁT

- Hệ thống điện tử **REDLINK PLUS™** tiên tiến nhất trên thị trường cho hiệu suất tối đa
- Toàn bộ hệ thống kết nối với nhau bảo vệ máy khi dùng quá tải, giúp tăng tuổi thọ

3 TĂNG TUỔI THỌ, LÀM VIỆC NHANH HƠN

**REDLITHIUM
FORGE™**

MẠNH NHẤT
SẠC NHANH NHẤT
TUỔI THỌ CAO NHẤT



MỤC LỤC

PIN & SẠC	1
KHOAN	3
SIẾT & VẶN	4
VẬN TẢI	6
NGHỀ MỘC	7
CHUYÊN BÊ TÔNG	9
GIA CÔNG KIM LOẠI	10
BẢO DƯỠNG & CHĂM SÓC CẢNH QUAN	11
VỆ SINH CÔNG TRÌNH	13
NƯỚC & CƠ ĐIỆN	13
ĐIỆN & NĂNG LƯỢNG ĐIỆN	14
LASER	14
ĐÈN CHIẾU SÁNG	14
QUẠT & LOA	16
MX FUEL	17
PHỤ KIỆN	19
CÔNG CỤ CẦM TAY	20
HỆ THỐNG LƯU TRỮ PACKOUT	24



KỶ NGUYÊN HIỆU SUẤT MỚI

M18 REDLITHIUM™ FORGE™

- ⬢ Tăng 50% công suất so với pin 12.0 Ah High Output
- ⬢ Dung lượng đạt 80% trong 35 phút khi sử dụng kèm sạc siêu nhanh M18 DBSC
- ⬢ Đảm bảo hiệu suất bền bỉ với số lần sạc tối đa và tuổi thọ vượt trội trong suốt vòng đời sản phẩm.
- ⬢ Tương thích hoàn toàn với hệ thống M18 Milwaukee, kết hợp được với hơn 250 dụng cụ pin
- ⬢ Bảo vệ toàn diện pin trước mọi điều kiện khắc nghiệt tại công trường, thời tiết khắc nghiệt và môi trường khắc nghiệt



NHU CẦU THẤP

NHU CẦU CAO



REDLITHIUM



REDLITHIUM



REDLITHIUM
HIGH OUTPUT



REDLITHIUM
HIGH OUTPUT



REDLITHIUM
FORGE



REDLITHIUM
FORGE



REDLITHIUM
FORGE

PIN/SẠC

M12 REDLITHIUM™-ION PIN 12V 2.0Ah

690,000 VND



M12 B2

Điện thế pin	12 V
Dung lượng pin	2.0 Ah
Loại pin	Lithium-Ion
Trọng lượng	0.2 kg

M12 REDLITHIUM™-ION PIN 12V 4.0Ah

1,140,000 VND



M12 B4

Điện thế pin	12 V
Dung lượng pin	4.0 Ah
Loại pin	Lithium-Ion
Trọng lượng	0.4 kg

M12 REDLITHIUM™-ION PIN 12V 2.5Ah

820,000 VND



M12 HB2.5

Điện thế pin	12 V
Dung lượng pin	2.5 Ah
Loại pin	Lithium-Ion
Trọng lượng	0.2 kg

M12 REDLITHIUM™-ION PIN 12V 5.0Ah

1,470,000 VND



M12 HB5

Điện thế pin	12 V
Dung lượng pin	5.0 Ah
Loại pin	Lithium-Ion
Trọng lượng	0.4 kg

M12 REDLITHIUM™-ION SẠC PIN 12V 1 CÔNG

1,030,000 VND



C12C

Điện thế pin	12 V
Trọng lượng	0.5 kg
Thời gian sạc đầy pin M12 B2/B4	40/80 phút

M18 RED LITHIUM™-ION 1,090,000 VND
PIN 18V 2.0Ah



M18 B2

Điện thế pin	18 V
Dung lượng pin	2.0 Ah
Loại pin	Lithium-Ion
Trọng lượng	0.4 kg

M18 RED LITHIUM™-ION 2,160,000 VND
PIN 18V 5.0Ah



M18 B5

Điện thế pin	18 V
Dung lượng pin	5.0 Ah
Loại pin	Lithium-Ion
Trọng lượng	0.7 kg



M18 RED LITHIUM™-ION 4,520,000 VND
PIN 18V 8.0Ah



M18 HB8

Điện thế pin	18 V
Dung lượng pin	8.0 Ah
Loại pin	Lithium-Ion
Trọng lượng	1.1 kg

M18 RED LITHIUM™-ION 6,020,000 VND
PIN 18V 12.0Ah



M18 HB12

Điện thế pin	18 V
Dung lượng pin	12.0 Ah
Loại pin	Lithium-Ion
Trọng lượng	1.7 kg

M18 RED LITHIUM FORGE™ 5,510,000 VND
PIN FORGE 18V 6.0Ah



M18 FB6

Điện thế pin	18 V
Dung lượng pin	6.0 Ah
Loại pin	Lithium-Ion
Trọng lượng	0.93 kg

SP MỚI

M18 RED LITHIUM FORGE™ 4,520,000 VND
PIN FORGE 18V 8.0Ah



M18 FB8

Điện thế pin	18 V
Dung lượng pin	8.0 Ah
Loại pin	Lithium-Ion
Trọng lượng	1.1 kg

SP MỚI

M18 RED LITHIUM FORGE™ 6,020,000 VND
PIN FORGE 18V 12.0Ah



M18 FB12

Điện thế pin	18 V
Dung lượng pin	12.0 Ah
Loại pin	Lithium-Ion
Trọng lượng	1.51 kg

SP MỚI



M12 M18 RED LITHIUM™-ION 1,420,000 VND
SẠC PIN M12-18C 2 CÔNG



M12-18C

Điện thế pin	12-18 V
Trọng lượng	0.7 kg
Thời gian sạc đầy pin M12 B2/B4/B6	43/77/134 phút
Thời gian sạc đầy pin M18 B5/HB8/HB12	100/167/250 phút

M12 M18 RED LITHIUM™-ION 1,810,000 VND
SẠC NHANH 2 CÔNG



M12-18FC

Điện thế pin	12-18 V
Trọng lượng	0.8 kg
Thời gian sạc đầy pin M12 B2/B4/B6	28/60/103 phút
Thời gian sạc đầy pin M18 B5/HB8/HB12	59/83/130 phút

M12 M18 RED LITHIUM™-ION 6,000,000 VND
TRẠM SẠC NHANH 12V, 18V 6 CÔNG



M12-18C3

Điện thế pin	12-18 V
Trọng lượng	4.7 kg
Thời gian sạc đầy pin M12 B2/B4	33/63 phút
Thời gian sạc đầy pin M18 B2/B5/HB12	30/54/130 phút

M18 RED LITHIUM™-ION 3,750,000 VND
TRẠM SẠC NHANH 2 CÔNG



M18 DFC

Điện thế pin	18 V
Trọng lượng	1.7 kg
Thời gian sạc đầy pin M18 B2/B5	26/59 phút
Thời gian sạc đầy pin M18 HB8/HB12	83/130 phút

M18 RED LITHIUM™-ION 6,840,000 VND
TRẠM SẠC NHANH 6 CÔNG



M18 PC6

Điện thế pin	18 V
Trọng lượng	4.1 kg
Thời gian sạc đầy pin M18 B2/B5	27/60 phút
Thời gian sạc đầy pin M18 HB8/HB12	83/130 phút

M18 RED LITHIUM™-ION 6,830,000 VND
TRẠM SẠC SIÊU NHANH 2 CÔNG



M18 DBSC

Điện thế pin	18 V
Trọng lượng	2.5 kg
Thời gian sạc đầy pin M18 B2/B5	35/60 phút
Thời gian sạc đầy pin M18 FB6/FB8/FB12	25/45/45 phút

SP MỚI

CÔNG NGHỆ CỦA CÁC SẢN PHẨM MILWAUKEE

BRUSHLESS

Động cơ sử dụng công nghệ tiên tiến, loại bỏ ma sát từ chổi than, mang lại hiệu suất cao hơn so với động cơ truyền thống.

Phù hợp cho các công việc sửa chữa, lắp ráp, hoặc ứng dụng tác vụ cơ bản.



FUEL™

Động cơ không chổi than POWERSTATE™ cao cấp, kết hợp với hệ thống REDLINK PLUS INTELLIGENCE™ và pin REDLITHIUM™.

Phù hợp với các công việc chuyên nghiệp như xây dựng, cơ khí, lắp đặt điện, và sửa chữa ô tô.



MX FUEL™

Động cơ không chổi than POWERSTATE™ cao cấp nhất, được thiết kế để thay thế các thiết bị sử dụng xăng dầu.

Phù hợp cho các công việc công nghiệp nặng, xây dựng lớn như cắt bê tông, khoan lỗ lớn, đầm nén.



TÁC VỤ CƠ BẢN



TÁC VỤ NẶNG



KHOAN

M12 FUEL
MÁY KHOAN ĐỘNG LỰC

4,110,000 VND

M12 FPD2

Điện thế pin	12 V
Tốc độ không tải	0-450/1550 v/p
Loại đầu kẹp	13 mm (đầu kim loại)
Đ.kính khoan k.loại/gạch/gỗ	13/13/35 mm
Số lần đập tối đa	0-6750/22500
Mô-men siết	45 Nm
Trọng lượng	1.0 kg

BÁN CHẠY

M12 FUEL
MÁY KHOAN ĐA NĂNG 4 ĐẦU

6,910,000 VND

M12 FDDXKIT

Điện thế pin	12 V
Tốc độ không tải	0-400/1600 v/p
Loại đầu kẹp	10 mm
Đ.kính khoan k.loại/gỗ	10/32 mm
Cấp tốc độ	2
Mô-men siết	34 Nm
Trọng lượng	0.7 kg

M12
MÁY KHOAN ĐỘNG LỰC

2,650,000 VND

M12 BPD

Điện thế pin	12 V
Tốc độ không tải	0-400/1500 v/p
Loại đầu kẹp	10 mm (đầu kim loại)
Đ.kính khoan k.loại/gạch/gỗ	10/10/22 mm
Số lần đập tối đa	0-22500
Mô-men siết	38 Nm
Trọng lượng	1.0 kg

M12
MÁY KHOAN GÓC VUÔNG

2,810,000 VND

C12 RAD

Điện thế pin	12 V
Tốc độ không tải	0-800 v/p
Loại đầu kẹp	10 mm
Đ.kính khoan k.loại/gạch/gỗ	10/22 mm
Mô-men siết	15 Nm
Trọng lượng	0.9 kg



M18 FUEL
MÁY KHOAN ĐỘNG LỰC

5,620,000 VND

M18 FPD3

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-500/2100 v/p
Loại đầu kẹp	13 mm (đầu kim loại)
Đ.kính khoan k.loại/gạch/gỗ	13/16/89 mm
Số lần đập tối đa	0-7800/33000
Mô-men siết	158 Nm
Trọng lượng	1.5 kg

BÁN CHẠY

M18
MÁY KHOAN ĐỘNG LỰC

4,520,000 VND

M18 BLPDRC

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-550/1700 v/p
Loại đầu kẹp	13 mm (đầu kim loại)
Đ.kính khoan k.loại/gạch/gỗ	13/16/52 mm
Số lần đập tối đa	0-25500
Mô-men siết	60.5 Nm
Trọng lượng	1.0 kg

M18
MÁY KHOAN ĐỘNG LỰC

3,150,000 VND

M18 BPD

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-450/1800 v/p
Loại đầu kẹp	13 mm (đầu kim loại)
Đ.kính khoan k.loại/gạch/gỗ	13/16/38 mm
Số lần đập tối đa	0-28800
Mô-men siết	60 Nm
Trọng lượng	1.4 kg



SIẾT VẠN

M12 FUEL
MÁY VẠN VÍT 3,750,000 VND



M12 FID2

Điện thế pin	12 V
Hình dạng đầu trực	Hex 1/4"
Tốc độ không tải	0-1700/2900 -3600 v/p
Tốc độ đập	0-4000 l/p
Mô-men xoắn tối đa	170 Nm
Trọng lượng	1.0 kg

BẢN CHẠY

M12 FUEL
MÁY VẠN VÍT THUY LỰC 5,620,000 VND



M12 FQID

Điện thế pin	12 V
Hình dạng đầu trực	0-1100/2200 -3200 v/p
Tốc độ đập	0-950/2200 -3400 l/p
Đèn Led/Báo pin	Có
Mô-men xoắn tối đa	50 Nm
Trọng lượng	0.9 kg

M12
MÁY VẠN VÍT 2,415,000 VND



M12 BID

Điện thế pin	12 V
Hình dạng đầu trực	Hex 1/4"
Tốc độ đập	0-2500 v/p
Tốc độ không tải	0-3300 l/p
Mô-men xoắn tối đa	112 Nm
Trọng lượng	0.8 kg

M12 FUEL
MÁY SIẾT BU LÔNG 5,570,000 VND



M12 FIW2F12

Điện thế pin	12 V
Tốc độ không tải	0-930/1300/ 2100/3000 v/p
Tốc độ đập	0-1500/3000 3300 l/p
Mô-men xoắn tối đa	745 Nm
Kích cỡ bu lông khả dụng	M16
Trọng lượng	1.0 kg

SP MỚI

M12 FUEL
MÁY SIẾT BU LÔNG GÓC 4,910,000 VND



M12 FRAIWF12

Điện thế pin	12 V
Tốc độ không tải	0-1550/2300/ 3000 v/p
Tốc độ đập	0-1350/2700 3600 l/p
Mô-men xoắn tối đa	90/160/270 Nm
Kích cỡ bu lông khả dụng	M16
Trọng lượng	1.3 kg

M12 FUEL
MÁY SIẾT BU LÔNG GÓC 4,910,000 VND



M12 FIR12

Điện thế pin	12 V
Tốc độ không tải	0-175 v/p
Mô-men xoắn tối đa	81 Nm
Chiều dài thân máy	290 mm
Trọng lượng	1.3 kg
Loại đầu cốt	1/2" cạnh vuông

M12 FUEL
MÁY SIẾT BU LÔNG GÓC 5,240,000 VND



M12 FIR38LR

Điện thế pin	12 V
Tốc độ không tải	0-200 v/p
Mô-men xoắn tối đa	75 Nm
Chiều dài thân máy	363 mm
Trọng lượng	1.2 kg
Loại đầu cốt	3/8" cạnh vuông

M12 FUEL
MÁY SIẾT BU LÔNG GÓC XUYỀN TÂM 6,620,000 VND



M12 FPTR

Điện thế pin	12 V
Mô-men xoắn tối đa	81 Nm
Tốc độ không tải	0-350 v/p
Chiều dài thân máy	386 mm
Trọng lượng	1.0 kg
Loại đầu cốt	- Đầu vuông 1/2", 3/8", 1/4" - Cộng với các đầu lực góc 1/4"

M12 FUEL
MÁY SIẾT BU LÔNG GÓC ĐIỆN TỬ LIÊN HỆ 2,415,000 VND



M12 ONEFTR12

Điện thế pin	12 V
Tốc độ không tải	0-100 v/p
Mô-men xoắn tối đa	203.4 Nm
Chiều dài thân máy	596.9 mm
Trọng lượng	2.3 kg
Loại đầu cốt	1/2" cạnh vuông

SP MỚI

M12
MÁY BẮN ĐINH RÚT

5,850,000 VND

M12 BPRT

Điện thế pin	12 V
Lực rút tối đa	9000 N
Chiều dài đinh rút	2.4-4.8 mm
Hành trình rút đinh tối đa	20.32 mm
Kích thước các loại đinh rút	2.4/3.2/4.0/4.8 mm
Trọng lượng	1.9 kg

M18 FUEL
MÁY BẮN ĐINH RÚT

11,030,000 VND

M18 FRT

Điện thế pin	18 V
Lực rút tối đa	20,000 N
Chiều dài đinh rút	4.8-7.0 mm
Đường kính đinh rút	4.8/6.0/6.3/7.0 mm
Hành trình rút đinh tối đa	30 mm
Trọng lượng	2.1 kg

M18 FUEL
MÁY VẠN VÍT

5,270,000 VND

M18 FID3

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	1750/3000/3900/0-3300 v/p
Mô-men xoắn	226 Nm
Tốc độ đập	0-1400/3600/4400 l/p
Kích cỡ bu lông khả dụng	M16
Trọng lượng	1.0 kg

BÁN CHẠY

M18
MÁY VẠN VÍT THỦY LỰC

5,850,000 VND

M18 FQID

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-9000/2100/3000 V/P
Tốc độ đập	0-1800/0-2900 0-4000 l/p
Kích cỡ bu lông khả dụng	M14
Mô-men xoắn tối đa	50 Nm
Trọng lượng	1.0 kg

M18
MÁY VẠN VÍT

4.095.000 VND

M18 BLIDR

Điện thế pin	18 V
Hình dạng đầu trực	Hex 1/4"
Tốc độ không tải	0-1250/2400 /3600 v/p
Tốc độ siết	2500/4700/4900 l/p
Mô-men xoắn tối đa	192 Nm
Trọng lượng	0.8 kg

M18
MÁY VẠN VÍT

2,940,000 VND

M18 BID

Điện thế pin	18 V
Hình dạng đầu trực	Hex 1/4"
Tốc độ không tải	0-2000/ /2750 v/p
Tốc độ siết	2450/3450 l/p
Mô-men xoắn tối đa	180 Nm
Trọng lượng	1.0 kg

M18 FUEL
MÁY SIẾT BU LÔNG

5,270,000 VND

M18 FIW212

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-900/1650/2400/1200 v/p
Tốc độ đập	0-1000/2400/3500 l/p
Kích cỡ bu lông khả dụng	M18
Mô-men xoắn tối đa	339 Nm
Trọng lượng	1.1 kg

BÁN CHẠY

M18 FUEL
MÁY SIẾT BU LÔNG

6,440,000 VND

M18 FMTIW2F12

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-1250/1950/2575/1325 v/p
Tốc độ đập	0-900/2100/3100/N/A l/p
Kích cỡ bu lông khả dụng	M22
Mô-men xoắn tối đa	881 Nm
Trọng lượng	1.6 kg

BÁN CHẠY

M18 FUEL
MÁY SIẾT BU LÔNG

7,950,000 VND

M18 FHIW2F12

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-700/0-1300/0-2000/0-2000 v/p
Tốc độ đập	0-1300/0-2200/0-2400/0-2400 l/p
Kích cỡ bu lông khả dụng	M36
Mô-men xoắn tối đa	2169 Nm
Trọng lượng	2.7 kg

SP MỚI

M18 FUEL
MÁY SIẾT BU LÔNG

8,420,000 VND

M18 ONEFHIWF34

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-800/1300/1800/1800 v/p
Tốc độ đập	0-850/1850/2400/2400 l/p
Kích cỡ bu lông khả dụng	M33
Mô-men xoắn tối đa	2032 Nm
Trọng lượng	2.8 kg

BÁN CHẠY

M18 FUEL
MÁY SIẾT BU LÔNG

14,030,000 VND

M18 ONEFHIWF1

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-1,000/1100/1400/1650 v/p
Tốc độ đập	0-1330/1620/2100/2450 l/p
Kích cỡ bu lông khả dụng	M42
Mô-men xoắn tối đa	2400 Nm
Trọng lượng	4.8 kg

BÁN CHẠY

M18 FUEL
MÁY SIẾT BU LÔNG

LIÊN HỆ

M18 ONEFHIWF1D

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-600/700/900/1200 v/p
Tốc độ đập	0-750/930/1200/1440 l/p
Kích cỡ bu lông khả dụng	M48
Mô-men xoắn tối đa	2711 Nm
Trọng lượng	10.6 kg

BÁN CHẠY

M18 FUEL
MÁY SIẾT BU LÔNG

LIÊN HỆ

M18 ONEFHIWF1DS

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-600/700/900/1200 v/p
Tốc độ đập	0-750/930/1200/1440 l/p
Kích cỡ bu lông khả dụng	M48
Mô-men xoắn tối đa	2711 Nm
Trọng lượng	9.6 kg

BÁN CHẠY

M18 FUEL
MÁY SIẾT BU LÔNG ĐƯỜNG RAY

14,030,000 VND

M18 FHIWF1R

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-1000/1400/1670/1670 v/p
Tốc độ đập	0-1750/2150/2500/2500 l/p
Kích cỡ bu lông khả dụng	M42
Mô-men xoắn tối đa	2000 Nm
Trọng lượng	6.1 kg

SP MỚI



VẬN TẢI

M12 MÁY TRẢ MỠ		4,440,000 VND
M12 GG		
	Điện thế pin	12 V
	Áp suất tối đa	562/8000 bar/psi
	Hệ thống tải	Cartridge/ống bao ngoài/đầu hút
	Kích thước dây bơm	914 x 14.4 mm
	Trọng lượng	2.8 kg

M12 MÁY BƠM HƠI		2,880,000 VND
M12 BI		
	Điện thế pin	12 V
	Tốc độ bơm khí	24.9 l/min
	Áp suất tối đa	8.27/120 bar/psi
	Chiều dài vòi bơm	660 mm
	Sai số đồng hồ	+/-3%
	Kích thước	190.5 x 165.1 mm
	Trọng lượng	1.4 kg



M12 MÁY BƠM KEO		4,110,000 VND
M12 PCG/310C		
	Điện thế pin	12 V
	Lực đẩy tối đa	1780 N
	Cần tốc độ	6
	Ống đựng keo	310 ml
	Trọng lượng	1.7 kg

M12 MÁY ĐÁNH BÓNG		2,570,000 VND
M12 BPS		
	Điện thế pin	12 V
	Tốc độ không tải	0-2800/8300 v/p
	Đường kính đĩa	76 mm
	Đường kính ren trục	M9 x 0.75
	Trọng lượng	0.8 kg

M18 FUEL MÁY ĐÁNH BÓNG LỆCH TÂM		6,680,000 VND
M18 FROP15		
	Điện thế pin	18 V
	Tốc độ đánh bóng	2650-5100 v/p
	Đường kính quỹ đạo	15 mm
	Đường kính đĩa	125 mm
	Điều chỉnh tốc độ	8 cấp
	Chiều dài cơ sở	420 mm
	Trọng lượng	2.5 kg

M18 FUEL MÁY ĐÁNH BÓNG LỆCH TÂM		7,230,000 VND
M18 FROP21		
	Điện thế pin	18 V
	Tốc độ đánh bóng	2400-4500 v/p
	Đường kính quỹ đạo	21 mm
	Đường kính đĩa	150 mm
	Điều chỉnh tốc độ	8 cấp
	Chiều dài cơ sở	437 mm
	Trọng lượng	2.6 kg

M18 FUEL MÁY ĐÁNH BÓNG		7,720,000 VND
M18 FAP180		
	Điện thế pin	18 V
	Đường kính miếng chà	180 mm
	Tốc độ không tải	360-2200 v/p
	Kích thước trục ren	M14
	Đường kính đế chà	125 mm
	Trọng lượng	2.4 kg

M18 MÁY THỔI HƠI NÓNG		3,510,000 VND
M18 BHG		
	Điện thế pin	18 V
	Nhiệt độ tối đa	470°C
	Tốc độ luồng khí	170 l/p
	Thời gian sử dụng	40+ giờ (pin M18B5)
	Trọng lượng	0,9 kg

M18 MÁY BƠM HƠI		5,150,000 VND
M18 BI		
	Điện thế pin	18 V
	Tốc độ bơm khí	40 l/p
	Áp suất tối đa	10.3/150 bar/psi
	Chiều dài vòi bơm	92 cm
	Kích thước	350x160x190 (DxRxC) mm
	Sai số đồng hồ	+/- 1PSI
	Trọng lượng	3.1 kg

M18 MÁY BƠM MỠ		5,040,000 VND
M18 GG		
	Điện thế pin	18 V
	Lưu lượng bơm	74 l/p
	Áp suất nền tối đa	690 bar/10,000 psi
	Dung tích ống mỡ	473 ml
	Dung tích ống mỡ gắn rời	400 ml
	Độ ồn	73 dB
	Trọng lượng	3.5 kg



■ NGHỀ MỘC

M12
MÁY CÁT **4,680,000 VND**

	M12 FCOT	
	Điện thế pin	12 V
	Đ.kính lưỡi cắt	76 mm
	Tốc độ không tải	20,000 v/p
	Độ sâu cắt tối đa	16.3 mm
	Đường kính trục lắp lưỡi	10 mm
BÁN CHẠY	Trọng lượng	0.9 kg

M12
DỤNG CỤ XOAY ĐA NĂNG **2,700,000 VND**

	C12 RT	
	Điện thế pin	12 V
	Tốc độ không tải	5,000-32,000 v/p
	Kích thước đầu	0.8/1.6/2.4/3.2 mm
	Trọng lượng	0.4 kg

M12
MÁY XOAY ĐA NĂNG **3,360,000 VND**

	M12 BLROT	
	Điện thế pin	12 V
	Tốc độ không tải	5,000-27,500 v/p
	Đường kính đầu kẹp tối đa	3.2 mm
	Trọng lượng	0.4 kg
SP MỚI		

M12 FUEL
MÁY CỬA LỘNG **5,150,000 VND**

	M12 FJS	
	Điện thế pin	12 V
	Tốc độ cửa	800-3000 n/p
	Góc cửa nghiêng tối đa	45 độ
	Hành trình tối đa	22.2 mm
	Chiều dài thân máy	226 mm
SP MỚI	Trọng lượng	1.5 kg

M12
MÁY CÁT ĐA NĂNG **2,930,000 VND**

	C12 MT	
	Điện thế pin	12 V
	Tốc độ không tải	5,000-20,000 v/p
	Góc xoay trái/phải	1.5/1.5°
	Thay đổi lưỡi dao	Có
	Đèn LED	Có
	Trọng lượng	0.8 kg

M12 FUEL
MÁY CÁT ĐA NĂNG **5,040,000 VND**

	M12 FMT	
	Điện thế pin	12 V
	Tốc độ không tải	10,000-20,000 v/p
	Góc xoay trái/phải	1.95/1.95°
	Thay đổi lưỡi dao	Có
	Đèn LED	Có
	Trọng lượng	1.1 kg

M12 FUEL
MÁY CỬA KIỂM **3,860,000 VND**

	M12 CHZ	
	Điện thế pin	12 V
	Tốc độ không tải	0-3,000 v/p
	Hành trình tối đa	15.9 mm
	Trọng lượng	1.2 kg

M12 FUEL
MÁY CỬA ĐĨA **5,250,000 VND**

	M12 FCS442	
	Góc nghiêng tối đa	0-50°
	Đ.kính lưỡi cửa	140 mm
	Lỗ trong lưỡi cửa	20 mm
	Độ sâu cắt ở góc 45/90°	32/46 mm
	Tốc độ không tải	3850 v/p
SP MỚI	Trọng lượng	2.0 kg

M12 FUEL
MÁY BẮN ĐINH **8,930,000 VND**

	M12 FCN18GS	
	Đường kính đinh	1.2 mm
	Điện thế pin	12 V
	Khả năng chứa đinh	110 cái
	Chế độ bắn	Liên tục/Đơn
	Loại đinh	Đinh F
	Chiều dài đinh	16-38 mm

M12 FUEL
MÁY CHÀ NHĂM **4,940,000 VND**

	M12 FROS50	
	Điện thế pin	12 V
	Tốc độ xoay	3,200 - 12,000 v/p
	Đường kính trục rung	5 mm
	Đường kính đĩa chà nhám	150 mm
	Trọng lượng	0.95 kg
SP MỚI		

M18 FUEL
MÁY BẮN ĐINH **10,190,000 VND**

	M18 FN16GS	
	Điện thế pin	18 V
	Loại đinh	Đinh T
	Đường kính đinh	1.6 mm
	Chiều dài đinh	25-64 mm
	Khả năng chứa đinh	110 cái
	Chế độ bắn	Liên tục/Đơn
Trọng lượng	2.8 kg	

M18 FUEL
MÁY BẮN ĐINH **12,860,000 VND**

	M18 FN18GS	
	Điện thế pin	18 V
	Loại đinh	Đinh F
	Đường kính đinh	1.02 mm
	Chiều dài đinh	15-54 mm
	Khả năng chứa đinh	110 cái
	Chế độ bắn	Liên tục/Đơn
Trọng lượng	2.5 kg	

M18 FUEL
MÁY PHAY

6,440,000 VND



M18 FTR

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	10,000-31,000 v/p
Đường kính mũi phay	38 mm
Mũi phay	6 hoặc 1/4" (6.35) mm
Phanh/ Đèn LED	Có
Hộp chống bụi	Có
Trọng lượng	1.4 kg

M18 FUEL
MÁY PHAY CÀM TAY

11,240,000 VND



M18 FR12

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	12,000 - 25,000 v/p
Đường kính mũi phay	63 mm
Mũi phay	12.7 mm
Phanh/ Đèn LED	Có
Hộp chống bụi	Có
Trọng lượng	2.9 kg

M18
MÁY BÀO

5,900,000 VND



M18 BP

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-14,000 v/p
Chiều rộng đế bào	82 mm
Độ sâu điều chỉnh	0-2 mm
Độ sâu đường bào	10.7 mm
Trọng lượng	1.3 kg

M18
MÁY CHÀ NHÁM

3,750,000 VND



M18 BOS125

Điện thế pin	18 V
Tốc độ xoay	14,000-24,000 v/p
Đường kính trục rung	2.4 mm
Đường kính đĩa chà nhám	125 mm
Trọng lượng	0.9 kg

M18
MÁY CHÀ NHÁM

6,720,000 VND



M18 FROS125

Điện thế pin	18 V
Tốc độ xoay	6,000 - 12,000 v/p
Đường kính trục rung	2.4 mm
Đường kính đĩa chà nhám	125 mm
Trọng lượng	1.5 kg

SP MỚI

M18 FUEL
MÁY CƯA ĐĨA

7,260,000 VND



M18 CCS66

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-5,800 v/p
Khả năng cắt 90°	66 mm
Khả năng cắt 45°	48 mm
Đường kính lưỡi cắt	190 mm
Kích thước trục lắp lưỡi	30 mm
Trọng lượng	3.7 kg

M18 FUEL
MÁY CẮT RUNG

5,620,000 VND



M18 FMT

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	10,000-20,000 v/p
Góc xoay trái/phải	2.1/2.1 độ
Thay đổi lưỡi dao	Có
Đèn LED	Có
Trọng lượng	1.2 kg

M18 FUEL
MÁY CƯA KIỂM

4,680,000 VND



M18 FHZ

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-3,000 v/p
Hành trình tối đa	22 mm
Trọng lượng	1.9 kg

M18 FUEL
MÁY CƯA KIỂM

6,440,000 VND



M18 FSZ

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-3,000 v/p
Độ dài hành trình lưỡi kiểm	32 mm
Đế điều chỉnh	Có
Đèn LED	Có
Móc treo	Có
Trọng lượng	3.1 kg

M18 FUEL
MÁY CƯA KIỂM

8,190,000 VND



M18 FSX

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-3,000 v/p
Độ dài hành trình lưỡi kiểm	32 mm
Chế độ cài 5 tốc độ	Có
Đèn LED	Có
Móc treo	Có
Trọng lượng	3.8 kg

M18 FUEL
MÁY CƯA SỌC

6,780,000 VND



M18 FJS

Điện thế pin	18 V
Tốc độ sọc	0-3,500 v/p
Độ sọc	25 mm
Khả năng cắt k.loại	10 mm
Khả năng cắt gỗ	135 mm
Trọng lượng	2.2 kg

M18 FUEL
MÁY CẮT ĐA NĂNG

LIÊN HỆ



M18 FMS254

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-4,000 v/p
Đường kính lưỡi cắt	254 mm
K.thước trục lắp lưỡi	25.4 mm
Cắt nghiêng trái/phải	48/48 độ
Cắt thẳng trái/phải	50/60 độ
Trọng lượng	19.3 kg

M18 FUEL
MÁY CƯA ĐĨA

11,030,000 VND



M18 FCS66GR3

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	6000 v/p
Khả năng cắt nghiêng	57°
Khả năng cắt	68 mm tại 90° 53 mm tại 45°
Đường kính trục	20/25.4 mm
Chức năng thổi bụi	Có
Trọng lượng	3.6 kg

SP MỚI

M18 FUEL
MÁY CƯA ĐĨA

7,350,000 VND



M18 FCS552

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	6000 v/p
Khả năng cắt nghiêng	50°
Khả năng cắt	57 mm tại 90° 44 mm tại 45°
Đường kính trục	20 mm
Đ.kính lưỡi cắt	165 mm
Trọng lượng	2.8 kg

SP MỚI

M18 FUEL
MÁY NÉN KHÍ

13,920,000 VND



M18 FAC

Điện thế pin	18 V
Dung tích bình nén	7.6 L
Áp suất tối đa	9.31 bar/135 psi
Lưu lượng	48 L/phút ở 2.8 bar
Van điều áp	Mở chiều đơn
Loại bơm	Bơm không dầu
Trọng lượng	14.0 kg



CHUYÊN BÊ TÔNG

M12 FUEL
MÁY KHOAN BÊ TÔNG **6,300,000 VND**

M12 FHAC16



Lực đập	1.15 J
Tốc độ đập	0-4,400 l/p
Tốc độ không tải	0-1200 v/p
Khả năng khoan bê tông	16 mm
Đ.kính khoan kim loại	10 mm
Đ.kính khoan tạo hãm	13 mm
Trọng lượng	1.8 kg
Loại đầu kẹp	SDS Plus

SP MỚI

M12
MÁY KHOAN BÚA **5,780,000 VND**

M18 BLHACD26



Lực đập	2.6 J
Tốc độ đập	0-4,600 l/p
Tốc độ không tải	0-1270 v/p
Khả năng khoan bê tông	26 mm
Đ.kính khoan kim loại	13 mm
Đ.kính khoan gỗ	28 mm
Trọng lượng	2.4 kg
Loại đầu kẹp	SDS Plus

BÁN CHẠY

M12 FUEL
MÁY KHOAN BÚA **9,070,000 VND**

M18 FHX



Lực đập	2.5 J
Tốc độ đập	0-4,800 l/p
Tốc độ không tải	0-1330 v/p
Khả năng khoan bê tông	26 mm
Đ.kính khoan kim loại	13 mm
Đ.kính khoan gỗ	28 mm
Trọng lượng	3.4 kg
Loại đầu kẹp	SDS Plus

BÁN CHẠY

M12
PHỤ KIỆN HÚT BỤI CHO MÁY KHOAN **4,100,000 VND**

M18 FDDEXL



Điện thế pin	18 V
Chiều dài thước đo	152 mm
Trọng lượng	1.9 kg

M12
MÁY KHOAN BÊ TÔNG **7,140,000 VND**

M18 BLH



Lực đập	2.3 J
Tốc độ đập	0-4,900 l/p
Tốc độ không tải	0-1400 v/p
Khả năng khoan bê tông	26 mm
Đ.kính khoan kim loại	13 mm
Đ.kính khoan gỗ	26 mm
Trọng lượng	2.6 kg
Loại đầu kẹp	SDS Plus

SP MỚI

M12 FUEL
MÁY KHOAN BÚA **13,610,000 VND**

M18 FHPX



Lực đập	5.0 J
Tốc độ đập	0-4,600 l/p
Tốc độ không tải	0-800 v/p
Khả năng khoan bê tông	32 mm
Đ.kính khoan kim loại	13 mm
Đ.kính khoan gỗ	30 mm
Trọng lượng	4.0 kg
Loại đầu kẹp	SDS Plus

M12 FUEL
MÁY KHOAN BÚA **LIÊN HỆ**

M18 FHM



Lực đập	11.0 J
Tốc độ đập	0-2,900 l/p
Tốc độ không tải	0-380 v/p
Khả năng khoan bê tông	45 mm
Đ.kính khoan rút lõi	150 mm
Đ.kính khoan gỗ	65 mm
Trọng lượng	8.5 kg
Loại đầu kẹp	SDS Max

M12 FUEL
MÁY KHOAN BÊ TÔNG **8,240,000 VND**

M18 FHAFOH16



Lực đập	2.3 J
Tốc độ đập	0-4,740 l/p
Tốc độ không tải	0-1,310 v/p
Khả năng khoan bê tông	16 mm
Chiều dài mũi khoan	165 mm
Độ sâu khoan	100 mm
Trọng lượng	2.6 kg
Loại đầu kẹp	SDS Plus

M12 FUEL
MÁY CẮT BÊ TÔNG **LIÊN HỆ**

M18 FCOS230



Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-6,600 v/p
Đường kính lưỡi	230 mm
Độ cắt sâu tối đa	85 mm
Áp suất đầu vào nước tối đa (bar/PSI)	6/90
Trọng lượng	4.5 kg





■ GIA CÔNG KIM LOẠI

M12 FUEL
MÁY MÀI KHUÔN 4,440,000 VND

M12 FDGS

Điện thế pin	12 V
Tốc độ không tải	0-10.000/15.000/ 21.000 v/p
Kích thước đầu mài	6 / 8 mm
Chế độ	3
Trọng lượng	0.5 kg

M12 FUEL
MÁY MÀI KHUÔN GÓC 4,440,000 VND

M12 FDGA

Điện thế pin	12 V
Tốc độ không tải	0-10.000/15.000/ 20.000/24.500 v/p
Kích thước đầu mài	6 / 8 mm
Chế độ	4
Trọng lượng	0.6 kg

M18
MÁY MÀI GÓC 3,990,000 VND

M18 BLSAG100X

Đường kính đĩa	100 mm
Tốc độ không tải	11,000 v/p
Loại công tắc	Công tắc trượt
Chống lật cổ tay	Có
Trọng lượng	1.5 kg
Bảo vệ quá lực	Có

M18 FUEL
MÁY MÀI GÓC 4,830,000 VND

M18 FSAG100XB

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	8,500 v/p
Đ.kính đĩa mài	100 mm
Độ sâu cắt	21 mm
Đ.kính ren trục	M10
Loại công tắc	Công tắc trượt
Trọng lượng	1.9 kg

BÁN CHẠY

M18 FUEL
MÁY MÀI GÓC 4,760,000 VND

M18 FSAGV100XB

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	3,500- 8,500 v/p
Đ.kính đĩa mài	100 mm
Độ sâu cắt	21 mm
Đ.kính ren trục	M10
Loại công tắc	Công tắc trượt
Trọng lượng	1.9 kg

M18 FUEL
MÁY MÀI GÓC 5,340,000 VND

M18 FSAGV100XPDB

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	3,500- 8,500 v/p
Đ.kính đĩa mài	100 mm
Độ sâu cắt	21 mm
Đ.kính ren trục	M10
Loại công tắc	Công tắc bóp
Trọng lượng	1.9 kg

BÁN CHẠY

M18 FUEL
MÁY MÀI GÓC 5,500,000 VND

M18 FSAGV125XB

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	3,500- 8,500 v/p
Đ.kính đĩa mài	125 mm
Độ sâu cắt	33 mm
Đ.kính ren trục	M14
Loại công tắc	Công tắc trượt
Trọng lượng	2.0 kg

M18 FUEL
MÁY MÀI GÓC 5,500,000 VND

M18 FSAGV125XPDB

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	3,500- 8,500 v/p
Đ.kính đĩa mài	125 mm
Độ sâu cắt	33 mm
Đ.kính ren trục	M14
Loại công tắc	Công tắc bóp
Trọng lượng	2.0 kg

M18 FUEL
MÁY MÀI GÓC 9,640,000 VND

M18 FLAG230XPDB

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-6,600 v/p
Đ.kính đĩa mài	180-230 mm
Độ sâu cắt	65 mm
Đ.kính ren trục	M14
Loại công tắc	Công tắc bóp
Trọng lượng	3.6 kg

M18 FUEL
MÁY MÀI KHUÔN 5,780,000 VND

M18 FDGROVB

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	8,000- 20,000 v/p
K.thước đầu mài	6 / 8 mm
Đ.kính phụ kiện mài	75 mm
Trọng lượng	1.4 kg

M18
MÁY CẮT KIM LOẠI 6,680,000 VND

M18 BMS20

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-2,500 v/p
Khả năng cắt k.loại / nhôm	2.0 / 3.2 mm
Bán kính cắt	180 mm
Trọng lượng	1.9 kg

M18 FUEL
MÁY CẮT SẮT 14,700,000 VND

M18 CHS355

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	4,000 v/p
Đ.kính đĩa khả dụng	355 mm
Kích cỡ trục đĩa	25.44 mm
Khả năng cắt dạng tròn/vuông	125/100 mm
Động cơ	Không chổi than
Trọng lượng	19.0 kg

M18 FUEL
MÁY CẮT KIM LOẠI

7,010,000 VND

M18 FMCS

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-3,900 v/p
Đường kính lưỡi cắt	150 mm
Đường kính trục	20 mm
Trọng lượng	2.1 kg

M18 FUEL
MÁY CỬA VÒNG

7,720,000 VND

M18 FBS85

Đèn LED	Có
Tốc độ không tải	165 m/phút
Chiều dài lưỡi dao	899 mm
Khả năng cắt	85 mm
Trọng lượng	3.5 kg

M18 FUEL
MÁY CỬA VÒNG

9,350,000 VND

M18 FBS125

Đèn LED	Có
Tốc độ không tải	168 m/phút
Chiều dài lưỡi dao	1140 mm
Khả năng cắt	125 mm
Trọng lượng	4.7 kg

SP MỚI

M18 FUEL
MÁY KHOAN TỨ

LIÊN HỆ

M18 FMDP

Điện thế pin	18 V
Tốc độ không tải	0-400/690 v/p
Hành trình	146 mm
Đầu khoan	13 mm
Trọng lượng	12.3 kg



■ BẢO DƯỠNG/CHĂM SÓC CẢNH QUAN (OPE)

M12 FUEL
MÁY CỬA XÍCH

5,950,000 VND

M12 FHS

Điện thế pin	12 V
Tốc độ không tải	5 v/p
Chiều dài lưỡi lam	152 mm
Độ dài lam	140 mm
Bề dày mắt xích	0.043 mm
Hộp chứa dầu bôi trơn	80 mL
Trọng lượng	1.9 kg

M12 FUEL
MÁY TỈA HÀNG RÀO

3,890,000 VND

M12 FHT20

Điện thế pin	12 V
Chiều dài lưỡi	200 mm
Nhịp cắt không tải	2,700 spm
Khả năng cắt	12.5 mm
Khoảng cách lưỡi	8 mm
Bảo vệ đầu lưỡi	Có
Trọng lượng	1.3 kg

M12
MÁY CẮT CẢNH

5,150,000 VND

M12 BLPRS

Điện thế pin	12 V
Chế độ cắt	2
Khả năng cắt	32 mm (cắt tối đa) 16 mm (1/2 hành trình)
Chiều dài	370 mm
Trọng lượng	1.3 kg

M12
MÁY THỔI

2,880,000 VND

M12 BBL

Điện thế pin	12 V
Lưu lượng gió	0-3.5/4.9 m3/p
Tốc độ gió	0-128/177 km/h
Độ ồn	73 dB
Chiều dài thân máy	380 mm
Trọng lượng	1.7 kg

M18 FUEL
MÁY CỬA XÍCH

11,240,000 VND

M18 FCHS

Điện thế pin	18 V
Chiều dài lưỡi lam	406 mm
Bề dày mắt xích	1.1 mm
Tốc độ xích	12 m/s
Bước xích	9.5 mm
Tổng chiều dài	838 mm
Trọng lượng	4.7 kg

M18 FUEL
MÁY CỬA XÍCH

11,240,000 VND

M18 FCHSC

Điện thế pin	18 V
Chiều dài lưỡi lam	305 mm
Bề dày mắt xích	1.1 mm
Tốc độ xích	12 m/s
Bước xích	9.5 mm
Tổng chiều dài	737 mm
Trọng lượng	4.7 kg

M18
MÁY TỈA HÀNG RÀO

LIÊN HỆ

M18 FHET60G2

Điện thế pin	18 V
Chiều dài lưỡi	630 mm
Nhịp cắt không tải	3,200 v/p
Góc mài lưỡi cắt	<45 ± 2 độ
Khoảng cách lưỡi	32 mm
Bảo vệ đầu lưỡi	Có
Trọng lượng	3.9 kg

SP MỚI

M18 FUEL
MÁY CẮT CỎ

6,240,000 VND

M18 FOPH

Điện thế pin	18 V
Cài đặt tốc độ	2
Tốc độ không tải (chậm)	0-6,860 v/p
Tốc độ không tải (nhanh)	0-8,680 v/p
Chiều dài	881 mm
Trọng lượng	3.0 kg

M18
PHỤ KIỆN CỬA XÍCH

4,060,000 VND

M18 FOPH-CSA

Tốc độ không tải	0-3,800/ 0-4,600 v/p
Tốc độ không tải cửa xích	8.6 m/s
Chiều dài lam	254 mm
Chiều dài cắt	230 mm
Dung tích dầu bôi trơn	140 ml
Trọng lượng	1.9 kg

M18
PHỤ KIỆN TĨA HÀNG RÀO

4,430,000 VND

M18 FOPH-HTA

Đầu xoay	0 - 270 độ
Tốc độ không tải	0-2,800/ 0-3,500 v/p
Chiều dài lam	508 mm
Khả năng cắt	25 mm
Khoảng cách răng	25 mm
Chiều dài	1,524 mm
Trọng lượng	2.6 kg

M18
PHỤ KIỆN NÓI DÀI

1,670,000 VND

M18 FOPH-EXA

Chiều dài	1,030 mm
Trọng lượng	0.9 kg

M18
PHỤ KIỆN CẮT CỎ

3,120,000 VND

M18 FOPH-LTA

Cài đặt tốc độ	2
Tốc độ không tải	0-4,900/ 0-6,200 v/p
Khả năng cắt	400 mm
Đ.kính dây cắt	2.4 mm
Chiều dài	1,020 mm
Trọng lượng	1.7 kg

M18
PHỤ KIỆN CẮT BỤI RẬM

2,940,000 VND

M18 FOPH-BCA

Tốc độ không tải	0-4,900/ 0-6,200 v/p
Đ.kính lưỡi cắt	230 mm
Khả năng cắt	32 mm
Chiều dài	1,030 mm
Cài đặt tốc độ	2
Trọng lượng	1.6 kg

M18 FUEL
MÁY CỬA CÀNH

14,180,000 VND

M18 FTPS30

Công suất định mức	2.35 HP
Tốc độ không tải (máy)	0-13,500 v/p
Tốc độ không tải (xích)	25.4 m/s
Chiều dài thanh dẫn	305 mm
Chiều dài cửa	287 mm
Dung tích ngăn chứa dầu	130 ml
Chiều dài cơ sở (mm)	2,720-3,980
Trọng lượng	7.3 kg

M18 FUEL
MÁY CẮT CỎ

12,080,000 VND

M18 FBCU

Tốc độ không tải (chậm)	0-4,900 v/p
Tốc độ không tải (cao)	0-6,200 v/p
Đ.kính cắt	2.4 mm
Khả năng cắt	400 mm
Đ.kính lưỡi cắt	230 mm
Trọng lượng	5.2 kg

M18
MÁY CẮT CỎ

6,300,000 VND

M18 BLLT

Điện thế pin	18 V
Động cơ	Không chổi than
Tốc độ không tải (cao)	0-6,200 v/p
Tốc độ không tải (chậm)	0-4,200 v/p
Đ.kính cưa	2.4 mm
Đ.kính cắt	400 mm
Trọng lượng	4.3 kg

M18 FUEL
MÁY CẮT CỎ 2 PIN

13,130,000 VND

M18 F2GTR

Điện áp	36 V (2x18)
Chế độ tốc độ	2
Tốc độ không tải	0-4900/6200 v/p
Chiều rộng cắt	381-432 mm
Đ.kính dây curoc khả dụng	2mm 2.4mm 2.7mm
Trọng lượng	5.4 kg

M18 FUEL
MÁY THỔI

4,430,000 VND

M18 FBLG3

Lưu lượng	14.2 m³/phút
Tốc độ gió	193 km/h
Lực thổi	12.2 N
Độ ồn	ANSI 92.6 dB(A)
Trọng lượng	2.4 kg

BÁN CHẠY

M18 FUEL
MÁY THỔI 2 PIN

8,760,000 VND

M18 F2BL

Lưu lượng	17 m³/phút
Tốc độ gió	233 km/h
Lực thổi	17.7 N
Độ ồn	ANSI 90.8 dB(A)
Trọng lượng	2.7 kg

SP MỚI

M18 FUEL
MÁY THỔI ĐEO LƯNG

14,180,000 VND

M18 F2BPB

Điện áp	36 V (2x18)
Cấp gió	Thấp Vừa Cao
Lưu lượng (m³/phút)	15.2 16.6 18.5
Tốc độ gió (km/h)	201 225 250
Lực thổi (N)	13.7 16.5 20.5
Độ ồn	ANSI 62 dB(A)
Pin khuyến nghị	M18 HB12
Trọng lượng	8.8 kg

SP MỚI



VỆ SINH CÔNG TRÌNH

M12 FUEL MÁY HÚT BỤI KHÔ, ƯỚT 6,440,000 VND



M12 FVCL

Điện thế pin	12 V
Tốc độ hút	1275 l/p
Lực hút tối đa	105 mbar
Dung tích	6.1 lít
Trọng lượng	4.6 kg

M18 MÁY HÚT BỤI KHÔ, ƯỚT 3,860,000 VND



M18 VC2

Điện thế pin	18 V
Tốc độ khí	1300 l/p
Dung tích	7.5 lít
Lực hút tối đa	80 mbar
Chiều dài ống hút	0.5 m
Trọng lượng	4.6 kg

M18 MÁY THỔI BỤI 2,650,000 VND



M18 BBL

Điện thế pin	18 V
Lưu lượng khí	2.9 m3/min
Tốc độ khí	42.8 km/h
Độ ồn	77.7 dB
Chiều dài thân máy (không ống thổi)	375 mm
Trọng lượng	1.2 kg

M18 MÁY HÚT BỤI ĐA NĂNG 3,570,000 VND



M18 CV

Điện thế pin	18 V
Thể tích không khí	1019.33 l/p
Tốc độ khí	61.61 m3/h
Lực hút tối đa	94 mbar
Đường kính ống hút	32 mm
Chiều dài ống hút	1.2 m
Trọng lượng	1.2 kg

M18 FUEL MÁY HÚT BỤI CẦM TAY 10,420,000 VND



M18 FCVL

Điện thế pin	18 V
Thể tích bình chứa	0.95 L
Tốc độ khí	764 l/p
Lực hút tối đa	184 mbar
Đường kính ống hút	31.8 mm
Chiều dài ống hút	1.5 m
Trọng lượng	2.0 kg

M18 FUEL MÁY HÚT BỤI ĐEO LƯNG 11,660,000 VND



M18 FBPV

Điện thế pin	18 V
Thể tích bình chứa	3.8 L
Tốc độ khí	1557 l/p
Lực hút tối đa	189 mbar
Đường kính ống hút	36 mm
Chiều dài ống hút	2.7 m
Trọng lượng	8.0 kg

NƯỚC & CƠ ĐIỆN

M12 MÁY CẮT ỐNG NHỰA 5,570,000 VND



C12 PPC

Điện thế pin	12 V
Tốc độ không tải	0-500 v/p
Khả năng cắt ống	12/50 mm
Đèn LED	Có
Trọng lượng	1.7 kg

M12 MÁY CẮT ỐNG ĐỒNG 3,260,000 VND



C12 PC

Điện thế pin	12 V
Tốc độ không tải	0-500 v/p
K. thước ống đồng	12/15/18/22/25/28 mm
Chiều dài	360 mm
Trọng lượng	1.3 kg

M12 MÁY CẮT ỐNG ĐỒNG 10,290,000 VND



M12 CTC2

Điện thế pin	12 V
Khả năng cắt ống	34.92/41.28/53.98 mm
Độ mở tối đa	53.98 mm
Tự động điều chỉnh kích thước ống đồng Đèn LED Cửa sổ quan sát	
Trọng lượng	2.7 kg

SP MỚI

M12 MÁY THÔNG TẮC HƠI 10,420,000 VND



M12 DCAG

Điện thế pin	12 V
Khả năng làm việc với đường ống	25-100 mm
Áp suất đẩy	0-50 PSI
Khả năng tiếp cận điểm tắc cách	10.6 m
Đèn LED	Có
Trọng lượng	3.1 kg

M18 FUEL MÁY HÚT CHÂN KHÔNG 13,200,000 VND



M18 FVP5

Điện thế pin	18 V
Kích cỡ đầu ra	1/4, 3/8, 1/2, 5/16 inch
Tốc độ dòng chảy	142 l/p
Khả năng hút	25 micron
Dung tích ngăn chứa dầu	550 ml
Van một chiều Van bị cách ly Van xả hơi nước	
Trọng lượng	8.6 kg

M18 MÁY BƠM CHUYÊN ĐỜI 6,700,000 VND



M18 BTP

Điện thế pin	18 V
Tốc độ dòng chảy	30.3 l/p
Nhiệt độ nước	60 độ
Đẩy cao tối đa	23 m
Hút sâu tối đa	5.5 m
Kích cỡ ren nối	3/4 inch

M18 FUEL MÁY BƠM THỦY LỰC 3,440,000 VND



M18 HMP700

Điện thế pin	18 V
Lưu lượng cao	38 m
Lưu lượng thấp	0.3
Áp suất	700/10,000 bar/psi



■ ĐIỆN & NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

M12 MÁY HÀN NHIỆT 2,310,000 VND

M12 SI	
Điện thế pin	12 V
Công suất làm nóng	90 W
Phụ kiện kèm theo	Mũi hàn nhọn và dẹt
Phạm vi nhiệt độ	400 độ C
Trọng lượng	0.3 kg

M18 MÁY CẮT THANH REN 13,470,000 VND

M18 BLTRC	
Điện thế pin	18 V
Khả năng cắt thép non	1/4", 3/8", 1/2"
Khả năng cắt inox	1/4", 3/8"
Loại	Cắt đứt
Loại lưỡi	Có thể thay
Chiều dài	1 - 1/2"
Trọng lượng	3.5 kg

M18 FORCELOGIC™ MÁY BẮM CỐT 12T LIÊN HỆ

M18 HCCT109/42	
Điện thế pin	18 V
Khả năng bám cốt	Cu 400 Al 300 mm²
Lực bám cốt	109 kN
Độ mờ đầu bám	42 mm
Trọng lượng	5.2 kg

M18 FORCELOGIC™ MÁY CẮT CÁP 6T LIÊN HỆ

M18 HCC	
Điện thế pin	18 V
Khả năng bám cốt	Cu 300 Al 150 mm²
Lực cắt	53 kN
Đầu xoay	350
Trọng lượng	3.3 kg

M18 FORCELOGIC™ MÁY BẮM CỐT 6T LIÊN HỆ

M18 HCCT	
Điện thế pin	18 V
Khả năng bám cốt	Cu 300 Al 150 mm²
Lực bám cốt	53 kN
Đầu xoay	350
Trọng lượng	3.3 kg

M18 FORCELOGIC™ MÁY BẮM CỐT 12T LIÊN HỆ

M18 HCCT120	
Điện thế pin	18 V
Khả năng bám cốt	Cu 400 Al 300 mm²
Lực bám cốt	123 kN
Trọng lượng	3.3 kg

■ LASER

M12 MÁY CÂN MỨC LASER LIÊN HỆ

M12 3PL	
Điện thế pin	12 V
Phạm vi hiển thị	38 m
Độ chính xác cân bằng	0.3
Phạm vi tự cân bằng	4 độ
Phạm vi làm việc	50 m
Trọng lượng	1.2 kg



■ ĐÈN CHIẾU SÁNG

ĐÈN LED QUẦN ĐÁU 1,950,000 VND

IR HL-450	
Điện thế pin	4 V
Chế độ chiếu sáng	Tỏa Tập Hỗn rộng trung hợp
Độ sáng tối đa (lumens)	250 250 450
Thời lượng pin	4h 4h 2.5h
Thời gian sạc	2h
Chuẩn chống nước	IP54
Trọng lượng	120 g

FUEL ĐÈN PIN LED CẦM TAY 2,090,000 VND

L4 FMLED	
Khả năng chiếu sáng	800 lumens
Chiều xa lên đến	150 m
Chuẩn chống bụi/nước	IP67
Kháng hóa chất	Có
Trọng lượng	200 g

FUEL ĐÈN DẠNG QUE REDLITHIUM™ USB CÓ TỪ TÍNH 3,240,000 VND

L4 SL550	
Điện thế pin	4 V
Khả năng chiếu sáng	550 lumens
Chiều dài	190.5 mm
Chiều cao	50.8 mm
Chiều rộng	60.96 mm
Trọng lượng	0.54 kg

M12
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG TRỤC XOAY **1,860,000 VND**



M12 PAL

Điện thế pin	12 V
Chế độ chiếu sáng	Cao Trung Thấp
Độ sáng	700 250
Thời lượng pin	8h 24h
Mặt nam châm và lỗ treo, xoay đầu 110 độ	
Chuẩn chống bụi/nước	IP54
Trọng lượng	0.3 kg

M12
ĐÈN SOI GÀM **4,220,000 VND**



M12 UHL

Điện thế pin	12 V
Chế độ chiếu sáng	Cao Trung Thấp
Độ sáng	1350 600
Thời lượng pin	4h 8h
Móc FINISHGUARD, kim loại không gỉ	
Chuẩn chống bụi/nước	IP54
Trọng lượng	0.7 kg

M18 FUEL
ĐÈN HẠT SÁNG KẾT HỢP SẠC **2,000,000 VND**



M18 ALIS

Điện thế pin	18 V
Chế độ	Cao Trung Thấp
Độ sáng	1000 500 85
Thời lượng pin	12h 22h 110h
Khả năng xoay	Ngang 300° Dọc 180°
Khả năng sạc	USB-A: 12W USB-C: 27W
Chuẩn chống bụi/nước	IP20
Trọng lượng	0.5 kg

SP MỚI

M18 FUEL
ĐÈN RỢI/HẠT **3,970,000 VND**



M18 SLED

Điện thế pin	18 V
Chế độ	Cao Trung Thấp
Độ sáng	1250 1200 600
Thời lượng pin	4h 4h 7h
Khả năng xoay	198°
Chuẩn chống bụi/nước	IP54
Khoảng cách chiếu sáng	650 m
Trọng lượng	1.5 kg

M18 FUEL
ĐÈN LED ĐÔI ĐA HƯỚNG **9,150,000 VND**



M18 UBL

Điện thế pin	18 V
Chế độ	Cao Trung Thấp
Độ sáng	2500 2200 800
Thời lượng pin	4h 4h 6h
Khả năng xoay	180°
Chuẩn chống bụi/nước	IP56
Trọng lượng	3.6 kg

M18 FUEL
ĐÈN LED HẠT SÁNG **2,950,000 VND**



M18 AL

Điện thế pin	18 V
Chế độ	Cao Thấp
Độ sáng	1500 780
Thời lượng pin	5h 10h
Móc treo lỗ khóa, móc treo EMT	
Chuẩn chống bụi/nước	IP20
Trọng lượng	1.4 kg

M18 FUEL
ĐÈN LED HẠT CHUYÊN DỤNG **4,640,000 VND**



M18 TAL

Chế độ	Cao Trung Thấp
Độ sáng chế độ hạt	2200 1100 550
Thời lượng pin	4h 8h 16h
Độ sáng chế độ đa điểm	1000 500 250
Thời lượng pin	6h 12h 24h
Trọng lượng	1.8 kg

M18 FUEL
ĐÈN HẠT SÁNG HIỆU SUẤT CAO **4,900,000 VND**



M18 HOAL

Điện thế pin	18 V
Chế độ	Cao Trung Thấp
Độ sáng	4000 2000 1200
Thời lượng pin	3h 6h 12h
Khả năng xoay	120°
Chuẩn chống nước/bụi	IP20

M18 FUEL
ĐÈN LED HẠT 360 ĐỘ **4,730,000 VND**



M18 PAL2

Điện thế pin	18 V
Chế độ	Cao Trung Thấp
Độ sáng	2000 1000 500
Thời lượng pin	6h 12h 24h
Móc treo nam châm tích hợp, kẹp kim loại, móc treo dây	
Nhiệt độ màu	4000 K
Khả năng xoay	170 - 355 độ
Trọng lượng	2.2 kg

SP MỚI

M18 FUEL
ĐÈN RỢI TAY ĐÓN CỎ TỰ TÍNH **7,880,000 VND**



M18 ABL

Điện thế pin	18 V
Chế độ	Cao Trung Thấp
Độ sáng	2500 1500 1000
Thời lượng pin	4.5h 8h 12h
Tầm chiếu sáng mở rộng	1.1 m
Khả năng xoay	Ngang 890° Dọc 900°

SP MỚI

M18 FUEL
ĐÈN LED ĐỪNG ĐIỀU KHIỂN TỪ XA **LIÊN HỆ**



M18 ONERSAL

Điện thế pin	18 V
Chế độ	Cao Trung Thấp
Độ sáng	5400 3000 1550
Thời lượng pin	7h 12.5h 26h
Khả năng xoay	Ngang 220° Dọc 220°
Chuẩn chống bụi/nước	IP67
Chiều dài tối đa/thu gọn	1.65 - 0.5 m
Trọng lượng	9.4 kg

M18 FUEL
ĐÈN LED CÔNG SUẤT CAO **LIÊN HỆ**



M18 HOSALC

Điện thế pin	18 V
Chế độ	Cao Trung Thấp
Độ sáng	6000 3200 1700
Thời lượng pin	3.5h 5h 10h
Khả năng xoay	Ngang 240° Dọc 180°
Chuẩn chống bụi/nước	IP34
Chiều dài tối đa/thu gọn	2.2-1m
Trọng lượng	8.9 kg

M18 FUEL
ĐÈN LED ĐỪNG **8,160,000 VND**



M18 SAL

Điện thế pin	18 V
Chế độ	Cao Trung Thấp
Độ sáng	2000 1300 850
Thời lượng pin	7.5h 15h 19h
Khả năng xoay	Ngang 240° Dọc 230°
Chuẩn chống bụi/nước	IP54
Chiều dài tối đa/thu gọn	2.2-1.1 m
Trọng lượng	6.9 kg





■ QUẠT & LOA

M12
QUẠT CHẠY PIN **3,400,000 VND**

M12 AF

Điện thế pin	12 V
Lưu lượng gió	680 m³/h
Tốc độ gió	376 m/p
Tính năng	Nam châm, móc treo
Trọng lượng	2.0 kg

SP MỚI

M12 M18
LOA BLUETOOTH **6,740,000 VND**

M12-18 JSSP

Khoảng cách kết nối	30 m
Tổng độ méo hài	0.28%
Bộ khuếch đại âm thanh	Mạch 40 W 2x20 W kênh
Đầu sạc USB	5.0 V / 2.1 A
Chiều dài	36 cm
Trọng lượng	2.4 kg

M18
QUẠT CHẠY PIN **12,600,000 VND**

M18 ARFHP

Điện thế pin	18 V
Lưu lượng gió	5.775 m³/h
Tốc độ gió	360 m/p
Độ ồn	≤ 81 dB
Trọng lượng	7.7 kg

SP MỚI

M18
QUẠT CHẠY PIN **3,660,000 VND**

M18 AFG2

Điện thế pin	18 V
Lưu lượng gió	1.444 m³/h
Tốc độ gió	549.6 m/p
Tính năng	Tương thích hệ thống PACKOUT, móc treo
Trọng lượng	2.9 kg

SP MỚI

M12 M18
LOA BLUETOOTH **LIÊN HỆ**

M18 JSSP

Khoảng cách kết nối	60 m
Điện thế Pin	18 V
Dải tần số âm thanh Bluetooth	2402 – 2480 MHz
Đầu sạc USB	5.0 V / 3 A
Thời gian hoạt động	18h
Trọng lượng	3.0 kg

SP MỚI





MX FUEL - bước đột phá trong công nghệ pin, mang lại sức mạnh tương đương với động cơ xăng. Bạn đồng hành cùng chuyên gia xây dựng và cơ khí hiện đại



■ DỤNG CỤ MX FUEL™

MX FUEL PIN		LIÊN HỆ	
MXF CP203			
	Dung lượng pin	3.0 Ah	
	Thời gian sạc MXF C	45 phút	
	Thời gian sạc MXF SC	45 phút	
	Trọng lượng	2.7 kg	

MX FUEL PIN		LIÊN HỆ	
MXF XC406			
	Dung lượng pin	6.0 Ah	
	Thời gian sạc MXF C	90 phút	
	Thời gian sạc MXF SC	45 phút	
	Trọng lượng	4.8 kg	

MX FUEL PIN FORGE		LIÊN HỆ	
MXF XC608			
	Dung lượng pin	8.0 Ah	
	Thời gian sạc MXF C	110 phút	
	Thời gian sạc MXF SC	45 phút	
	Trọng lượng	4.5 kg	

MX FUEL PIN FORGE		LIÊN HỆ	
MXF HD812			
	Dung lượng pin	12.0 Ah	
	Thời gian sạc MXF C	160 phút	
	Thời gian sạc MXF SC	65 phút	
	Trọng lượng	5.9 kg	

MX FUEL SẠC		LIÊN HỆ	
MXF C			
	Khả năng sạc các loại pin	3.0, 6.0, 8.0, 12.0 Ah	
	Tốc độ sạc	4.5 Ah/giờ	
	Thời gian sạc	45/90/110/160 phút	
	Tay cầm	Có	
	Trọng lượng	2.7 kg	

MX FUEL SẠC NHANH		LIÊN HỆ	
MXF SC			
	Khả năng sạc các loại pin	3.0, 6.0, 8.0, 12.0 Ah	
	Tốc độ sạc	12 Ah/giờ	
	Thời gian sạc	45/65 phút	
	Tay cầm	Có	
	Trọng lượng	8.9 kg	

MÁY KHOAN RÚT LỖI		LIÊN HỆ
MXF DCD150		
	Đường kính đầu kẹp	60 mm
	Tốc độ không tải	0-800 /0-1600 v/p
	Đường kính khoan bê tông	76-152 /25-76 mm
	Pin khuyến nghị	MXF CP203
	Trọng lượng	7.6 kg

MÁY KHOAN RÚT LỖI		LIÊN HỆ
MXF DCD350		
	Đường kính khoan tối đa trên bê tông	350 mm
	Tốc độ không tải	0-390/0-850 /0-1650/0-2200 v/p
	Đầu tiếp nhận	1 1/4" UNC
	Thiết bị tiêu chuẩn	Giá đỡ MXF DCD350 DR
	Trọng lượng (kèm pin MXF HD812)	54 kg

MÁY ĐỤC BÊ TÔNG		LIÊN HỆ
MXF DH2528H		
	Lực đập	64 J
	Đầu nối	28mm HEX
	Tốc độ đập tối đa	1300 l/p
	Độ rung	5.17 m/s²
	Trọng lượng (kèm pin MXF HD812)	29.6 kg

PHỤ KIỆN MÁY ĐỤC BÊ TÔNG		LIÊN HỆ
MXF DHT		
	Chiều dài	492 mm
	Chiều rộng	550 mm
	Chiều cao	1,078 mm
	Trọng lượng	15.7 kg

MÁY ĐÀM BĂNG MẶT PHẪNG		LIÊN HỆ
MXF PC50		
	Lực ly tâm	16 kN
	Tốc độ	2 mức
	Tốc độ di chuyển tối đa	26 m/p
	Chiều dài mặt đế	558 mm
	Chiều rộng mặt đế	508 mm
	C.cao khi gấp tay cầm	584 mm
	Đào chiều	Có
	Trọng lượng (với MXF HD812)	79 kg

BÀN ĐÀM		LIÊN HỆ
49-49-2030		
	Phụ kiện của máy	MXF PC50
	Trọng lượng	4.2 kg

BỂ CHỨA NƯỚC MÁY ĐÀM		LIÊN HỆ
49-49-2010		
	Thể tích bồn chứa	13 lít
	Van chỉnh dòng chảy	Có
	Phụ kiện của máy	MXF PC50

MÁY CẮT KIM LOẠI		LIÊN HỆ
MXF COS350G2		
	Đ.kính lưỡi cắt	350 mm
	Tốc độ lưỡi cắt	5370 v/p
	Kính thước lỗ trực	20/25.4 mm
	Áp suất đầu vào (bar/PSI)	4/58
	Độ sâu cắt tối đa	125 mm
	Tốc độ không tải	5370 v/p
	Trọng lượng (với pin MXF XC608)	13.4 kg

XE ĐÁY MÁY CẮT KIM LOẠI		LIÊN HỆ
MXF COSCG2		
	Khả năng tải	85 kg
	Dung tích thùng chứa	15 lít
	Trọng lượng (kèm máy)	37.2

ĐÈN THẤP		LIÊN HỆ
MXF TL		
	Nhiệt độ màu	4,000 K
	Chế độ	Cao Trung Thấp
	Độ sáng (pin)	20,000 10,000 5,000
	Thời lượng pin	3h 6h 10h
	Độ sáng (điện)	27,000 14,000 7,000
	Chuẩn chống bụi/nước	IP55
	Chiều dài tối đa	3.1 m
	Trọng lượng (với XC406)	53 kg

ĐÈN THẤP THU GỌN		LIÊN HỆ
MXF TLIC		
	Điện thế pin	72 V
	Chế độ	Cao Trung Thấp
	Độ sáng (pin)	15,000 10,000 5,000
	Thời lượng pin	3h 6h 10h
	Nhiệt độ màu	4,000 K
	Chuẩn chống bụi/nước	IP56
	Chiều dài tối đa	2.1 m
	Trọng lượng (với XC406)	21.8 kg

MÁY PHÁT ĐIỆN		LIÊN HỆ
MXF PS		
	Công suất liên tục	1800 W
	Công suất vận hành	1800 W
	Độ ồn	68 dB
	Trọng lượng (với 2 pin MXF XC406)	28.2 kg



PHỤ KIỆN

■ ĐẦU VẠN VÍT **SHOCKWAVE** IMPACT DUTY

	ĐẦU CHUYỂN HƯỚNG MŨI KHOAN VUÔNG GÓC 48-32-2390		BỘ ĐẦU CHUYỂN VÍT SANG BU LÔNG 1/2" 1/4" 3/8" 48-32-5033		ĐẦU CHUYỂN VÍT SANG BU LÔNG 1/2" 48-32-5034
	BỘ VÍT ĐA NĂNG 32 pcs 48-32-4004		BỘ VÍT ĐA NĂNG 26 pcs 48-32-4008		BỘ MŨI KHOAN VẠN VÍT ĐA NĂNG 40 pcs 48-32-4006
	ĐẦU VẠN VÍT NGẮN (PH1-65mm) 10 MŨI 48-32-4360		ĐẦU VẠN VÍT NGẮN (PH2-65mm) 10 MŨI 48-32-4361		ĐẦU VẠN VÍT NGẮN (PH3-65mm) 10 MŨI 48-32-4362
	ĐẦU VẠN VÍT DÀI (PH1-110mm) 10 MŨI 48-32-4363		ĐẦU VẠN VÍT DÀI (PH2-110mm) 10 MŨI 48-32-4364		ĐẦU VẠN VÍT DÀI (PH3-110mm) 10 MŨI 48-32-4365

■ LƯỚI CẮT

	LƯỚI CẮT KIM LOẠI 76 MM (dùng cho máy M12 FCOT) 49-94-3000		LƯỚI CẮT ĐA NĂNG 76 MM (dùng cho máy M12 FCOT) 49-94-3005		LƯỚI CẮT KIM CƯỜNG 76 MM (dùng cho máy M12 FCOT) 49-94-3010
	LƯỚI CẮT ĐA NĂNG 76 MM (dùng cho máy M12 FCOT) 4932464716 M12		LƯỚI CẮT KIM LOẠI 76 MM (dùng cho máy M12 FCOT) 4932464717 M12		
	LƯỚI CẮT KIM LOẠI 34T 149MM 48-40-4080 M18		LƯỚI CẮT KIM LOẠI 50T 137MM 48-40-4075 M18		

■ PHỤ KIỆN **FORCELOGIC**™

	LƯỚI CẮT ĐỒNG/NHÔM M18 4932430839 FORCELOGIC™		LƯỚI CẮT ACSR M18 49-16-2773 FORCELOGIC™		LƯỚI CẮT ĐỒNG/NHÔM M18 4932464498 FORCELOGIC™
	LƯỚI CẮT THAY THẾ ACSR M18 48-44-0412 FORCELOGIC™		HÀM CHUYỂN LƯỚI CẮT M18 (dùng cho máy M18 HCCT-OC) 4932464497 FORCELOGIC™		
	LƯỚI CẮT DÂY CÁP TRÊN CAO M18 49-16-2775 FORCELOGIC™		LƯỚI CẮT DÂY CÁP DƯỚI LÔNG ĐẤT M18 49-16-2774 FORCELOGIC™		



■ CÔNG CỤ CẦM TAY

THƯỚC

THƯỚC DÂY CUỘN NGẮN



MÃ SP	MÔ TẢ
4932498782A	Thước cuộn mỏng 3m
4932498783A	Thước cuộn mỏng 5m
4932498785A	Thước cuộn mỏng 8m
4932498768A	Thước cuộn nam châm 5m
4932498772A	Thước cuộn tự động 5m

THƯỚC DÂY CUỘN DÀI



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-5310	Thước dây sợi thủy tinh 100m/330ft
48-22-5330	Thước dây sợi thủy tinh 30m/100ft

THƯỚC THỦY



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-5207V	Thước thủy cỡ nhỏ Milwaukee
48-22-5102A	Thước thủy cân bằng bỏ túi
48-22-5603	Thước thủy bỏ túi
48-22-5602	Thước đo góc điện tử



BÚT ĐÁNH DẤU

BÚT ĐÁNH DẤU



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-3104	Bộ bút đánh dấu Milwaukee mực đen
48-22-3106	Bộ bút đánh dấu Milwaukee 4 màu mực
48-22-3731	Bút sơn đánh dấu Inkzall Milwaukee
48-22-3741	Bút sơn đánh dấu Inkzall Milwaukee



DỤNG CỤ KẸP

DỤNG CỤ KẸP



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-3522	Kim khóa chữ C 6"

KÌM

KÌM



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-6101	Kim mỏ dài 8"
48-22-6105	Kim cắt mini
48-22-6106	Kim cắt chéo 6"
48-22-6108	Kim cắt chéo 8"
48-22-6128	Kim cắt chéo 8" tay cầm chống mỏi
48-22-6501	Kim mũi nhọn 8"
48-22-6508	Kim cắt chéo 8" tay cầm chống trượt

KÌM CHUYÊN BIỆT



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-6100	Kim Lineman 9"
48-22-6104	Kim cắt dây cáp
48-22-6410	Kim hàng rào
48-22-6500	Kim cắt 9"
48-22-6502	Kim Lineman có đòn bẩy cao
48-22-6539	Bộ Kim Snap Ring 9 Món
48-22-6542	Bộ kim mũi nhọn dài 2 món
48-22-6563	Bộ kim mỏ nhọn dài 13" 3 chiếc

KÌM THỢ NƯỚC



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-6208	Kim mỏ quạ hàm lực góc 8"
48-22-6210H	Kim mỏ quạ hàm lực góc 10"
48-22-6212	Kim mỏ quạ hàm lực góc 12"
48-22-6310	Kim mỏ quạ hàm thẳng 10"
48-22-6512	Kim mỏ quạ hàm thẳng 12"

KÌM NGÀNH ĐIỆN



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-3078	Kim tuốt dây
48-22-2208	Kim cắt chéo cách điện 1000V 8"
48-22-2209	Kim Lineman cách điện 1000V 9"
48-22-2214	Kim tuốt dây 10-20 AWG cách điện 1000V
48-22-2215	Bộ dụng cụ tay cầm cách điện 1000V 5 món
48-22-3052	Kim tuốt dây đa năng
48-22-6109	Kim tuốt dây tay cầm cong
4932464571	Kim đầu bằng cách điện VDE 160mm
4932464572	Kim đầu bằng cách điện VDE 180mm

KÌM KHOÁ



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-3510	Kim khóa hàm bằng 10"
48-22-3420	Kim Khóa Hàm Cong 10"
48-22-3420D	Kim Khóa Hàm Cong 10"
48-22-3421	Kim khoá hàm cong 7"
48-22-3509	Kim khóa mũi nhọn 9"



CỜ LÊ

CỜ LÊ VẠN ỐNG NƯỚC



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-7112	Cờ lê mở ống nước 12"
48-22-7114	Cờ lê mở ống nước 14"
48-22-7118	Cờ lê mở ống nước 18"

BỘ CỜ LÊ



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-9506	Bộ cờ lê tự động 7 chiếc
48-22-9507	Bộ cờ lê 7 chiếc
48-22-9511	Bộ cờ lê 11 chiếc
48-22-9516	Bộ cờ lê tự động 15 chiếc

CẦN TUÝP TỰ ĐỘNG



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-9001	Bộ cần tuýp tự động 3/8" 12 chi tiết
48-22-9508	Bộ cần tuýp tự động 3/8" 32 chi tiết

CỜ LÊ ĐIỀU CHỈNH



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-7406	Mỏ lết 6"
48-22-7408	Mỏ lết 8"
48-22-7508X	Mỏ lết 8"
48-22-7410X	Mỏ lết 10"
48-22-7412X	Mỏ lết 12"

BỘ KHOÁ LỤC GIÁC



MÃ SP	MÔ TẢ
4932478621	Bộ lục giác 9 chi tiết
48-22-2182	Bộ lục giác gấp gọn 8 chi tiết
48-22-2186	Bộ lục giác bằng hợp kim 9 chi tiết



BÚA VÀ DỤNG CỤ NHỎ ĐINH

BÚA



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-9016P	Búa sừng dê 17oz
48-22-9018	Búa sừng dê 16oz
48-22-9019	Búa đa năng 12oz
48-22-9020	Búa sừng dê 20oz
48-22-9061	Rìu 16"
48-22-9130	Búa đầu tròn 16oz
48-22-9151	Búa cao su 48oz
48-22-9310	Búa đa năng 3lbs
48-22-9316	Búa sừng dê 19oz

BÚA VÀ DỤNG CỤ NHỎ ĐINH



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-9030	Dụng Cụ Nhỏ Đinh đa năng 9"
48-22-9034	Dụng Cụ Nhỏ Đinh đa năng 12"
48-22-9042	Dụng Cụ Nhỏ Đinh đa năng 21"



ĐỒ BẢO HỘ

KÍNH BẢO HỘ



MÃ SP	MÔ TẢ
48-73-2000A	Kính bảo hộ
48-73-2005A	Kính bảo hộ đen
48-73-2041	Kính bảo hộ trong suốt
48-73-2046	Kính bảo hộ chống chói

GĂNG TAY BẢO HỘ



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-8902	Găng tay chống cắt cấp độ 1 size L
48-22-8952	Găng tay chống cắt cấp độ 5 size L
48-22-8981	Găng tay chống cắt NITRILE cấp độ 5 size M
48-22-8982	Găng tay chống cắt NITRILE cấp độ 5 size L
48-22-8983	Găng tay chống cắt NITRILE cấp độ 5 size XL

MŨ BẢO HỘ



MÃ SP	MÔ TẢ
48-73-1101	Mũ bảo hộ 48-73-1101
48-73-1121	Mũ bảo hộ 48-73-1121
48-73-1201	Mũ bảo hộ 48-73-1201



THIẾT BỊ LƯU TRỮ PACKOUT

PACKOUT CÓ BÁNH XE

- TẢI TRỌNG 113 KG
- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP
- BÁNH XE 23CM ĐA ĐỊA HÌNH
- KHẢ NĂNG CHỐNG BỤI & NƯỚC IP65



MÃ SP	MÔ TẢ	TẢI TRỌNG	CHIỀU DÀI	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO
48-22-8427	Hộp đựng dụng cụ	113 kg	561	472	495

XE ĐẨY PACKOUT

- CÓ THỂ CHỒNG HOẶC TREO
- BÁNH XE 25CM ĐA ĐỊA HÌNH
- TẢI TRỌNG 182 KG



MÃ SP	MÔ TẢ	TẢI TRỌNG
48-22-8415	Xe đẩy PACKOUT	182 kg

PACKOUT CÓ BÁNH XE

- TẢI TRỌNG 113 KG
- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP
- BÁNH XE 23CM ĐA ĐỊA HÌNH
- NẮP BẢO VỆ
- DUNG TÍCH 132 LÍT



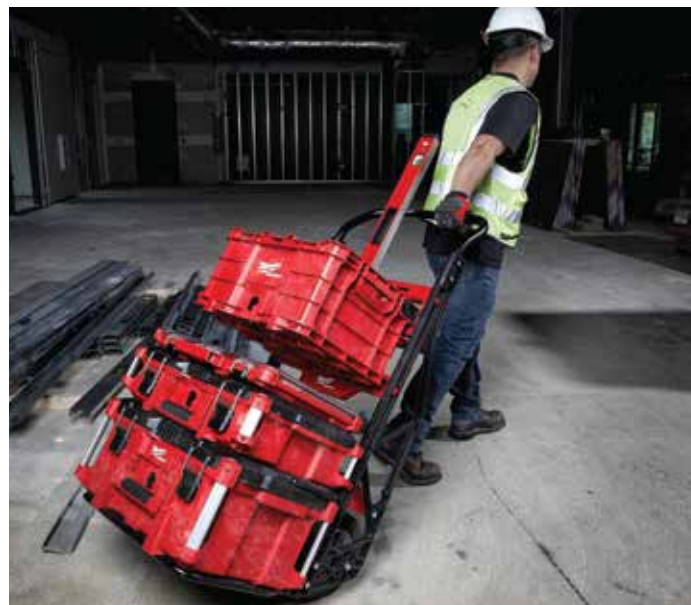
MÃ SP	MÔ TẢ	TẢI TRỌNG	CHIỀU DÀI	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO
48-22-8428	Hộp đựng dụng cụ	113 kg	495	825	305

ĐỂ XE ĐẨY PACKOUT

- TẢI TRỌNG 114 KG
- CÓ CHÂN THẲNG
- BÁNH XE LINH HOẠT



MÃ SP	MÔ TẢ	TẢI TRỌNG
48-22-8410	Đế xe đẩy PACKOUT	114 kg



HỘP PACKOUT CỨNG

HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ

- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP
- KHẢ NĂNG CHỐNG BỤI & NƯỚC IP65
- GIA CỐ BẰNG KIM LOẠI



MÃ SP	MÔ TẢ	TẢI TRỌNG	CHIỀU DÀI	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO
48-22-8424	Hộp đựng dụng cụ	34 kg	500	335	114
48-22-8425	Hộp đựng dụng cụ lớn	45 kg	500	335	216

HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ CHIA NGĂN

- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP
- KHẢ NĂNG CHỐNG BỤI & NƯỚC IP65
- CHIA NGĂN TÙY CHỈNH



MÃ SP	MÔ TẢ	TẢI TRỌNG	CHIỀU DÀI	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO
48-22-8450	Hộp đựng dụng cụ chia ngăn	34 kg	482	320	114

HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ XL

- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP
- KHẢ NĂNG CHỐNG BỤI & NƯỚC IP65
- CÓ KHAY CHIA NGĂN



MÃ SP	MÔ TẢ	TẢI TRỌNG	CHIỀU DÀI	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO
48-22-8429	Hộp đựng dụng cụ XL	45 kg	485	371	353

HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ 2 NGĂN

- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP
- TẢI TRỌNG 23 KG
- GIA CỐ BẰNG KIM LOẠI



MÃ SP	MÔ TẢ	TẢI TRỌNG	CHIỀU DÀI	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO
48-22-8442	Hộp đựng dụng cụ 2 ngăn	23 kg	414	318	127

HỘP PACKOUT CỨNG

HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ 3 NGĂN

- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP
- TẢI TRỌNG 23 KG
- GIA CỐ BẰNG KIM LOẠI



MÃ SP	MÔ TẢ	TẢI TRỌNG	CHIỀU DÀI	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO
48-22-8443	Hộp đựng dụng cụ 3 ngăn	23 kg	414	318	76

HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ NHỎ GỌN

- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP
- TẢI TRỌNG 23 KG
- GIA CỐ BẰNG KIM LOẠI



MÃ SP	MÔ TẢ	TẢI TRỌNG	CHIỀU DÀI	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO
48-22-8422	Hộp đựng dụng cụ nhỏ gọn	34 kg	229	363	289

NGĂN CHIA DỤNG CỤ

- CÓ THỂ ĐẶT TRONG: PACKOUT BÁNH XE, HỘP PACKOUT XL,...
- CÓ THỂ CHỒNG
- NGĂN CHIA TUY CHỈNH
- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-8045	Ngăn chia dụng cụ



THÙNG ĐỰNG DỤNG CỤ

- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP
- CÓ THỂ CHỒNG HOẶC TREO
- TẢI TRỌNG 23 KG



MÃ SP	MÔ TẢ	TẢI TRỌNG	CHIỀU DÀI	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO
48-22-8440	Thùng đựng dụng cụ	23 kg	406	335	234

HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ

- CÓ THỂ CHỒNG HOẶC TREO
- CÓ CỬA TIỆN LỢI
- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP



MÃ SP	MÔ TẢ	TẢI TRỌNG
48-22-8445	Hộp đựng dụng cụ	23 kg



NGĂN CHIA DỤNG CỤ

NGĂN CHIA DỤNG CỤ

- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP
- KHẢ NĂNG CHỐNG BỤI & NƯỚC IP65
- CÓ NẮP KẾT NỐI VỚI HỆ PACKOUT



MÃ SP	MÔ TẢ	CHIỀU DÀI	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO
48-22-8430	Ngăn chia dụng cụ	457	305	91
48-22-8435	Ngăn chia dụng cụ nhỏ gọn	203	305	91

NGĂN CHIA DỤNG CỤ THẤP

- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP
- KHẢ NĂNG CHỐNG BỤI & NƯỚC IP65
- CÓ NẮP KẾT NỐI VỚI HỆ PACKOUT



MÃ SP	MÔ TẢ	CHIỀU DÀI	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO
48-22-8431	Ngăn chia dụng cụ thấp	457	305	38
48-22-8436	Ngăn chia dụng cụ nhỏ gọn	203	305	38



BÌNH GIỮ NHIỆT

- CÁCH NHIỆT TUYỆT ĐỐI BẰNG CHÂN KHÔNG
- DỄ DÀNG ĐÓNG MỞ VỚI NẮP NAM CHÂM
- CHẤT LIỆU THÉP SIÊU BỀN 18/8
- TƯƠNG THÍCH VỚI HỆ THỐNG PACKOUT



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-8392B	Ly giữ nhiệt 591ml (đen)
48-22-8392R	Ly giữ nhiệt 591ml (đỏ)
48-22-8393B	Ly giữ nhiệt 887ml (đen)
48-22-8393R	Ly giữ nhiệt 887ml (đỏ)
48-22-8391BX	Bình giữ nhiệt 350ml (đen)
48-22-8391RX	Bình giữ nhiệt 350ml (đỏ)
48-22-8395B	Bình giữ nhiệt 530ml (đen)
48-22-8395R	Bình giữ nhiệt 530ml (đỏ)

MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-8382B	Bình giữ nhiệt quai xách 530ml (đen)
48-22-8382R	Bình giữ nhiệt quai xách 530ml (đỏ)
48-22-8396B	Bình giữ nhiệt quai xách 710ml (đen)
48-22-8396R	Bình giữ nhiệt quai xách 710ml (đỏ)
48-22-8397B	Bình giữ nhiệt quai xách 1.65l (đen)
48-22-8397R	Bình giữ nhiệt quai xách 1.65l (đỏ)
48-22-8394B	Bình giữ nhiệt có tay cầm 530ml (đen)
48-22-8394R	Bình giữ nhiệt có tay cầm 530ml (đỏ)

BÀN LÀM VIỆC

- CÓ KHOÁ CHÓT
- TẢI TRỌNG 23 KG



MÃ SP	MÔ TẢ	TẢI TRỌNG
48-22-8488	Bàn làm việc PACKOUT	23 kg



TÚI PACKOUT

BALO PACKOUT

- CHẤT LIỆU CHỐNG RÁCH
- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP
- TỐI ƯU SỨC CHỨA



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-8301	Balo PACKOUT
48-22-8303	Balo PACKOUT



TÚI Đựng DỤNG CỤ

- CHẤT LIỆU CHỐNG RÁCH
- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP
- GIA CỐ BẰNG KIM LOẠI



MÃ SP	MÔ TẢ	SỐ TÚI
48-22-8320	Túi đựng dụng cụ PACKOUT	32
48-22-8317	Túi đựng dụng cụ PACKOUT	39
48-22-8320N	Túi đựng dụng cụ PACKOUT	32
48-22-8322N	Túi đựng dụng cụ 20"	

ĐAI ĐEO DỤNG CỤ

- CHẤT LIỆU NILON CAO CẤP 1680D
- VIÊN GIA CỐ BẰNG ĐINH TÁN
- THIẾT KẾ TIỆN LỢI



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-8110	Đai đeo dụng cụ



PACKOUT TREO TƯỜNG

ĐỂ TREO TƯỜNG

- ỨNG DỤNG LINH HOẠT
- KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP
- GIA CỐ BẰNG KIM LOẠI



MÃ SP	MÔ TẢ	TẢI TRỌNG
48-22-8485	Để treo tường	Nằm (45kg) / Treo (23kg)



KHAY NAM CHÂM

- CƠ CHẾ KHOÁ AN TOÀN
- TAY CẮM SAO SU CHỐNG TRƯỢT
- TẢI TRỌNG 7.3KG



MÃ SP	MÔ TẢ
48-22-8070	Khay nam châm
48-22-8071	Khay nam châm dài





Nothing but **HEAVY DUTY.**

ĐỊA ĐIỂM MUA HÀNG:



TRUNG TÂM BẢO HÀNH MILWAUKEE

Miền Nam

1. MILWAUKEE TOOL HEAVY DUTY CENTER HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 108 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM
SĐT: 028 3914 4062

2. CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ ANH HOÀN

CS1: Số 184/14 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
SĐT: 097 427 3594 - 090 971 9193

CS2: Số 123 Phạm Huy Thông, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. HCM
SĐT: 090 971 9193 - 097 427 3594

3. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HARO VIỆT NAM

Địa chỉ: 98 Đường Số 2, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
SĐT: 0901 689 338 - 0909 222 395

4. CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Địa chỉ: 616 Nguyễn Oanh, Phường 6, Gò Vấp, Hồ Chí Minh
SĐT: 090 234 9698

5. CÔNG TY TNHH TMDV KỸ THUẬT TOÀN DANH

Địa chỉ: 59/58E Đường số 8, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM
SĐT: 098 630 3910 - 091 981 8173

6. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TECHMASTER

Địa chỉ: 169/1/5 Lương Định Của, KP3, P. An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. HCM
SĐT: 093 856 2079 - 090 267 2879

7. CÔNG TY TNHH VINA HOÀNG LONG VŨ

CS1: Số 02 QL51, Ấp Xóm Gốc, Xã Long An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
SĐT: 094 884 4070 - 098 330 0122

CS2: Số 01 Lê Lợi, KP Vạn Hạnh, P. Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa Vũng Tàu
SĐT: 0254 395 2539 - 093 3978 000

CS3: Số 279 Trần Phú, Bến Cam, Phước Thiện, Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
SĐT: 094 884 4070 - 091 212 3820

CS4: 157-159 Xuân Hồng, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. HCM
SĐT: 093 263 2563

8. ĐẠI LÝ ỦY QUYỀN LONG HOÀNG DUY

Địa chỉ: 122-124 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 2, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp
SĐT: 0277 858 6789 - 0908 870 808

Miền Bắc

1. MILWAUKEE TOOL HEAVY DUTY CENTER HÀ NỘI

Địa chỉ: 320 Trường Chinh, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội
SĐT: 024 3833 2666

2. CÔNG TY TNHH XNK & CÔNG NGHỆ HƯNG PHÁT

Địa chỉ: 535 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
SĐT: 098 877 5235 - 097 607 4226

3. CÔNG TY TNHH MỘC HẢI PHÁT

Địa chỉ: LK19 TT03 KĐT Tây Nam Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
SĐT: 088 864 2266

4. CÔNG TY TNHH DTK TECH HÀ NỘI

Địa chỉ: LK 20AB, Đường Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, Hà Nội
SĐT: 0969 921 538

5. CÔNG TY CỔ PHẦN SOTAVILLE

Địa chỉ: LK 21-08, Khu Đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Hà Đông, Hà Nội
SĐT: 096 295 1183

Miền Trung

1. CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP RORI

Địa chỉ: 219 Nguyễn Lương Bằng, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Đà Nẵng
SĐT: 0911 055 873 - 02 363 746 080

2. CÔNG TY TNHH MTV NGUYỄN TƯỜNG ÂN (ĐIỆN CƠ BÌ)

Địa chỉ: Số 85 Triệu Nữ Vương, Phường Hải Châu 2, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
SĐT: 090 500 6633

3. CÔNG TY TNHH TMDV THÀNH PHỤNG 79

Địa chỉ: 15 Lê Hồng Phong, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang,
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
SĐT: 0905 214 997

4. CÔNG TY TNHH BÌNH ĐỊNH TOOLS

Địa chỉ: 73 Đào Tấn, Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam
SĐT: 0336 634 677

CHÍNH SÁCH BẢO HÀNH

THỜI GIAN BẢO HÀNH

Sản phẩm được bảo hành 01 năm kể từ ngày mua sản phẩm, bao gồm: đèn, thân máy, pin và sạc.

YÊU CẦU BẢO HÀNH

Chỉ áp dụng cho các sản phẩm chính hãng Milwaukee được phân phối tại Việt Nam. Tất cả các sản phẩm Milwaukee đều được bảo hành nếu máy hư hỏng về kỹ thuật do lỗi của nhà sản xuất.

Chỉ Trung Tâm Bảo Hành Ủy Quyền (TTBHƯQ) và Trung Tâm Dịch Vụ (TTDV) của Milwaukee mới được quyền sửa chữa máy. Nếu máy hư hỏng phải được gửi đến TTBHƯQ và TTDV trong tình trạng còn nguyên vẹn chưa tháo ráp.

LIÊN HỆ

1. MILWAUKEE TOOL HEAVY DUTY CENTER HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 108 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM
SĐT: 028 3914 4062

2. MILWAUKEE TOOL HEAVY DUTY CENTER HÀ NỘI

Địa chỉ: 320 Trường Chinh, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội
SĐT: 024 3833 2666

Email: milwaukee.mkt@ttigroup.com.vn

Website: www.milwaukeeetool.com.vn

Facebook/YouTube/Tiktok: Milwaukee Tool Vietnam